**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÒN ĐẤT**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 12/4/2024
V/v "Tranh chấp nợ hụi"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Đặng Thanh Sang**
*Các hội thẩm nhân dân*: Bà **Phạm Hồng Gái**
Ông **Vũ Đức Kiểu**

***Thư ký phiên toà:*** Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang***: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc "***Tranh chấp nợ hụi***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST- DS ngày 22/3/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp V, xã L, huyện H, tỉnh K.

*Bị đơn*: Bà **Kiều Kim T**, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông **Tề Văn M**, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh K.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp V, xã L, huyện H, tỉnh K.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T có chơi 01 dây hụi, giá 20.000.000 đồng/tháng, có 34 thành viên tham gia, dây hụi này hiện tại đã mãn vào ngày 16/7/2023 Âm lịch do ông N và vợ là bà Lê Thị T làm chủ. Đối với dây hụi này ông M, bà T đã hốt được 491.900.000 đồng.

Ông M, bà T phải có trách nhiệm đóng hụi chết số tiền 620.000.000 đồng, sau đó, ông M, bà T đóng hụi chết được 370.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền hui chết là 250.000.000 đồng. Ông M và bà T không đóng hụi chết cho ông N nữa, ông N có đến nhà đòi nợ thì ông M, bà T thừa nhận nợ tiền hụi của ông số tiền 250.000.000 đồng và ký bản thoả thuận ngày 15/4/2023 hứa trả cho ông N mỗi tháng 20.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất tiền vay.

Tại phiên tòa hôm nay ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất buộc ông M, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Khi ông Tề Văn M, bà Kiều Kim T trả hết số tiền thiếu thì ông N sẽ trả lại cho ông M, bà T giấy sang nhượng đất vườn tạp ngày 20/07/2021.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Kiều Kim T trình bày:*

Bà và ông Tề Văn M có chơi 01 dây hụi, số tiền 20.000.000 đồng/tháng, có 34 thành viên tham gia, dây hụi này hiện tại đã mãn vào ngày 16/7/2023 Âm lịch do vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T làm chủ. Đối với dây hụi này bà và ông M đã hốt được 491.900.000 đồng. Bà và ông M phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho ông N, bà T số tiền 620.000.000 đồng, sau đó, bà và ông M đóng hụi chết được 370.000.000 đồng, còn nợ lại ông N, bà T số tiền hụi chết là 250.000.000 đồng. Do làm ăn thu lỗ nên bà và ông M không có khả năng đóng hụi chết cho ông N và bà T nữa. Ông N, bà T có đến nhà đòi nợ thì bà và ông M vẫn thừa nhận nợ tiền hụi của ông N, bà T số tiền 250.000.000 đồng và ký bản thoả thuận ngày 15/4/2023 hứa trả cho ông N mỗi tháng 20.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất tiền vay.

Nay ông N và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất buộc bà và ông May phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà Nghĩa số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Bà T có ý kiến như sau:

- Bà đồng ý trả số tiền nợ hụi cho ông N, bà T số tiền 250.000.000 đồng. Nhưng bà xin trả dần khi nào có điều kiện bà sẽ trả cho ông N, bà T.

Đối với giấy sang nhượng đất vườn tạp ngày 20/07/2021 bà yêu cầu ông N, bà T trả lại cho bà.

- Số tiền hốt hụi bà và ông Tề Văn M đem về làm ăn và chỉ tiêu trong gia đình. Ông Tề Văn M cũng đồng ý trả số tiền này cùng với bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T trả tiền số tiền nợ hụi còn thiếu là 250.000.000 đồng. Đối với giấy sang nhượng đất vườn tạp ngày 20/07/2021 ông N tự nguyện trả lại cho bà T và ông M khi nào bà T và ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị ghi nhận. Buộc Bà T và ông M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết**: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N thì quan hệ pháp luật được xác định là*"Tranh chấp nợ hụi"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T có nơi cư trú tại ấp V, xã L, huyện H, tỉnh K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**[2] Về thủ tục tố tụng***:* Ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Về nội dung**: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền ông N yêu cầu vợ chồng ông M trả phù hợp với số tiền được ghi nhận trong bản thỏa thuận, ngày 15/4/2023 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N và bà Kiều Kim T. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án các bên cũng thừa nhận việc này nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc bà T và ông M tham gia chơi hụi của ông N để đem về làm ăn và chỉ tiêu trong gia đình dẫn đến việc không có khả năng tiếp tục đóng hụi cho ông N được nên ông M là chồng bà T cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông N. Nên Hội

đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông N đòi ông M và bà T trả số tiền hụi là 250.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Xét về lãi suất: Ông Nguyễn Văn N không yêu cầu tính lãi đối với số nợ hụi này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn bà Kiều Kim T. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn N không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà Kiều Kim T.

Đối với giấy sang nhượng đất vườn tạp ngày 20/07/2021 bà Kiều Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả lại cho bà và ông N cũng đồng ý trả lại giấy này khi ông M và bà T trả đủ số tiền cho ông N. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

**[4]. Về án phí**: 250.000.000 đồng x 5 % = 12.500.000 đồng. Buộc ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn N.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:***

Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 93; Khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 471, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27; khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử***:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T trả số tiền hụi.

1. Buộc ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T trả cho ông Nguyễn Văn Nsố tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T giấy sang nhượng đất vườn tạp ngày 20/07/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Tề Văn M và bà Kiều Kim T nộp 12.500.000 đồng (Mười hai triều năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí là 7.050.000 đồng (Bảy triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004192, ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *THA huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Thanh Sang**